

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỂU CẦN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST  
Ngày: 03/02/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Ân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Bé;

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Linh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2019/TLST-HS, ngày 31 tháng 12 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1/ Phạm Minh Tr,** sinh năm 1992, tại huyện C, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Th (đã chết); anh chị em ruột 04 người, kể cả bị cáo (lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1998); có vợ là chị Thạch Thị Đa Q, sinh năm 1993 và 02 người con lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; bị cáo bị tạm giam từ 05/11/2019 tại nhà tạm giữ Công an huyện Tiểu Cần cho đến nay (có mặt).

**2/ Trần Thanh T,** sinh năm 1998, tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi ĐKKHKT: Ấp M, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần

Hoài Th và bà Nguyễn Thị Th; anh chị em ruột 03 người (lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất bị cáo); bị cáo chưa có vợ và con; tiền án: Không; tiền sự: 01 (Ngày 29/01/2019 bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy); nhân thân: Xấu; bị cáo bị tạm giam từ 04/11/2019 tại nhà tạm giữ Công an huyện Tiểu Cần cho đến nay (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh Tr là: Ông **Phạm Thanh Phong**, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh.*

- *Bị hại:* Anh **Kim H**, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị **Kim Thị Tuyết B**, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/ Chị **Thạch Thị Đa Q**, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3/ Ông **Trần Hoài Th**, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre

4/ Chị **Thạch Thị Sa Ph**, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:* Ông **Lý S**, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết với nhau nên vào dịp tết của đồng bào dân tộc Khmer, bị cáo Phạm Minh Tr rủ bị cáo Trần Thanh T đến nhà cha mẹ vợ của bị cáo Tr tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh để chơi tết. Đến khoảng 17 giờ ngày 17/4/2019, khi bị cáo Tr và bị cáo T đang nói chuyện với nhau thì bị cáo Tr nói với bị cáo T không có tiền tiêu xài nên rủ bị cáo T đi trộm cắp xe mô tô đem bán lấy tiền tiêu xài thì bị cáo T đồng ý. Sau đó, bị cáo Tr mượn xe mô tô của chị vợ tên Thạch Thị Sa Ph nói với chị Ph để đi mua gà nhưng mục đích của để đi trộm cắp tài sản. Khi bị cáo Tr chở bị cáo T vào đường đal, cặp chùa Đ thuộc xã H thì bị cáo Tr phát hiện phía trước cửa hàng rào nhà ông Lý S tại ấp Đ, xã H, có dựng nhiều xe mô tô, bị cáo Tr chở bị cáo T chạy qua khỏi một đoạn, sau đó dừng xe lại, bị cáo T ngồi trên xe chờ, còn bị cáo Tr đi bộ ngược lại, trực tiếp mở dây điện để kích nguồn điện cho nổ

máy, lấy trộm 01 (một) xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Wave anpha, bánh cãm, thắng đùm, biển kiểm soát 84H1-209.92 của anh Kim H đang quản lý sử dụng (Do anh H mượn của chị Kim Thị Tuyết B). Sau khi lấy trộm được xe mô tô, bị cáo Tr đem xe mô tô lấy trộm về cất giấu tại sau nhà cha mẹ vợ và kêu bị cáo T đem trả xe mô tô đã mượn cho chị Ph. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, bị cáo Tr điều khiển xe lấy trộm được chở bị cáo T về nhà bị cáo Tr tại ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre cất giấu và tìm mua được của một người bán ve chai 01 (một) biển số đăng ký mã tỉnh Bến Tre số 71 (không xác định được các con số còn lại) để gắn vào xe mô tô đã lấy trộm và ném bỏ biển kiểm soát 84H1-209.92. Đến ngày 19/4/2019, bị cáo Tr điện thoại cho một người thanh niên (không rõ địa chỉ và lai lịch) mà bị cáo quen biết trước đó để bán xe mô tô, sau đó bị cáo Tr điều khiển xe mô tô chở bị cáo T đến chỗ hẹn tại huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để bán xe mô tô lấy trộm được với số tiền là 8.000.000 đồng, bị cáo Tr chia cho bị cáo T số tiền là 4.000.000 đồng nhưng bị cáo T không lấy mà để bị cáo Tr cất giữ và tiêu xài chung hết.

Đến ngày 18/9/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần nhận được Công văn số 158 ngày 21/7/2019 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Càng Long, tỉnh Trà vinh để phối hợp điều tra vụ án trộm cắp tài sản. Trong quá trình điều tra vụ án trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn huyện Càng Long, bị cáo Phạm Minh Tr khai nhận còn thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện Tiểu Cần. Sau khi tiếp nhận tin báo, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần tiến hành làm việc với bị cáo Phạm Minh Tr và bị cáo Trần Thanh T. Qua làm việc, bị cáo Tr và bị cáo T thừa nhận hành vi trộm cắp xe mô tô của anh Kim H tại ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, như đã nêu trên.

Về vật chứng: Đối với 01 (một) xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Wave anpha, bánh cãm, thắng đùm, biển kiểm soát 84H1-209.92 và 01 (một) điện thoại di động mà bị cáo Tr dùng để liên lạc với người thanh niên để bán tài sản do phạm tội mà có, cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với người thanh niên tiêu thụ tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, do các bị cáo khai không rõ ràng nên chưa xác minh được, khi nào xác minh được sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận số 14 ngày 17/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Tiểu Cần kết luận: 01 (một) xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Wave anpha, bánh cãm, thắng đùm, biển kiểm soát 84H1-209.92 có giá trị còn lại là 8.725.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu; các bị cáo, bị hại, người bào chữa và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại đã nhận số tiền do gia đình của các bị cáo bồi thường là 8.725.000 đồng, nên bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị B đã nhận lại 01 chiếc xe mô tô khác do anh H bồi thường, nên chị B không yêu cầu anh H bồi thường thêm khoản nào khác.

Tại cáo trạng số: 03/CT-VKS-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố các bị cáo Phạm Minh Tr và Trần Thanh T về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố các bị cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, sau khi phân tích hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vụ án như sau:

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Phạm Minh Tr từ 12 tháng đến 18 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm tù của Bản án số: 33/2019/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Thanh T từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng: Không có, nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Phạm Minh Tr phát biểu ý kiến:* Thống nhất với cáo trạng và quan điểm luận tội của kiểm sát viên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Người bào chữa không biện minh cho hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo Tr mà phân tích cho Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Trong suốt quá trình tham gia tố tụng bị cáo đã thật thà khai báo, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên bị cáo đã khai ra hành vi phạm tội chưa bị phát hiện. Bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động nghèo, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, nên bị hại xin giảm nhẹ hình

phạt cho bị cáo. Bị cáo có ông nội là ông Phạm Văn S được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, bị cáo phạm tội trong hoàn cảnh bị tai nạn lao động. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất để bị cáo sớm về với gia đình nuôi hai con còn nhỏ.

*Bị hại anh Kim H trình bày:* Anh không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm bất kỳ khoản nào khác. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thạch Thị Đa Q trình bày:* Chị không yêu cầu bị cáo Tr trả lại số tiền mà chị đã bồi thường thay bị cáo Tr.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hoài Th trình bày:* Ông không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền mà ông đã bồi thường thay bị cáo T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thạch Thị Sa Ph trình bày:* Chị đã nhận lại tài sản. Chị không yêu cầu gì.

*Bị cáo Tr nói lời nói sau cùng:* Bị cáo rất hối hận hành vi của mình, cho bị cáo gửi lời xin lỗi bị hại, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm về với gia đình nuôi hai con còn nhỏ.

*Bị cáo T nói lời nói sau cùng:* Bị cáo không có ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hội đồng xét xử đã thẩm tra về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người bào chữa; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với những lời khai của các bị cáo trước đây tại cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 17/4/2019 các bị cáo đã có hành vi lén lút trộm 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, kiểu Wave anpha, bánh cãm, thắng đùm, biển kiểm soát 84H1-209.92 của bị hại, giá trị là 8.725.000 đồng, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi đã thành niên, đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi này của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Cho nên Cáo trạng số: 03/CT-VKS-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, trong vụ án này các bị cáo cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là đồng phạm giản đơn cùng là thực hành vai trò đồng phạm như nhau.

[5] Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, mức độ phạm tội của từng bị cáo để ra một bản án cho từng bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo. Các bị cáo tuổi đời còn rất trẻ, có đầy đủ sức khỏe đáng lẽ ra hai bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để tạo ra thu nhập hợp pháp nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình, ngược lại, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do lười lao động muốn có tiền tiêu xài nhưng không phải lao động cực nhọc, nên hai bị cáo lao vào con đường phạm tội, bất chấp pháp luật. Ngoài ra hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây ra sự tâm lý hoang mang trong quần chúng Nhân dân lo sợ việc tài sản bị trộm cắp làm cho quần chúng Nhân dân không an tâm lao động, sản xuất tạo nên sự bất ổn trong xã hội. Tuy nhiên qua vụ án này cũng cho thấy bị hại quản lý tài sản còn lỏng lẻo tạo điều kiện cho các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Do đó qua vụ án này cũng đề nghị mọi người cần đề cao cảnh giác, quản lý tài sản chặt chẽ hơn để tránh tài sản bị trộm cắp. Hiện nay địa bàn huyện Tiểu Cần tình hình trộm cắp tài sản có chiều hướng ngày một gia tăng về số lượng và có tính chất rất phức tạp. Để ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xét thấy cần thiết cách ly hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có đủ tác dụng giáo dục hai bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm mới phát sinh.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo Tr: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, do ngoài việc phạm tội trong vụ án này thì trước đây bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” vào ngày 18/9/2019; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Bị cáo đã tác động gia đình để bồi thường thiệt hại; bị cáo tự thú; sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; không có tiền án, tiền sự; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có ông nội tên Phạm Văn S được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; bị cáo đang nuôi con 02 nhỏ, trong đó 01 đứa con nhỏ nhất sinh 2014. Do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo T: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách hình sự; bị cáo không có tiền án; bị cáo có 01 tiền sự là ngày 29/01/2019 bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra ngày 10/9/2019 bị cáo tiếp tục bị Công an xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đến ngày 28/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp xử lý hành chính “*Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc*” với thời hạn 12 tháng và hiện bị cáo đang chấp hành tại cơ sở cai nghiện mà túy thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Bến Tre; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Bị cáo đã tác động gia đình để bồi thường thiệt hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có bác ruột là ông Trần Văn B là liệt sĩ. Do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[8] Về vật chứng của vụ án: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận bồi thường xong và không có yêu cầu bồi thường thêm khoản nào khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Ý kiến của vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Phạm Minh Tr có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

**Tuyên bố:** Các bị cáo Phạm Minh Tr và Trần Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

### **1. Về trách nhiệm hình sự:**

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Phạm Minh Tr 01 (một) năm tù, tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm tù của Bản án số: 33/2019/HS-ST, ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do đó, bị cáo Phạm Minh Tr phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2019.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**3. Về vật chứng:** Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm Minh Tr và Trần Thanh T mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo và các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**



- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Cơ quan cảnh sát điều tra và Cơ quan  
THAHS Công an huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Cơ sở cai nghiện mà túy;
- Bị cáo và các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa***

**(Đã ký)**

**Lê Hoàng Ân**